

## LIÊN THÔNG VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC TẠI VIỆT NAM

PHẠM HỮU LỘC\*

### TÓM TẮT

*Bài viết này đề cập sự phát triển của khoa học công nghệ trong bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hóa... của thế giới, nhất là khi toàn cầu hóa đang diễn ra với tốc độ và quy mô lớn. Việc liên thông và đào tạo nguồn nhân lực tại Việt Nam được nhận định là yêu cầu tất yếu của hệ thống giáo dục ở nước ta nhằm hội nhập quốc tế và đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

**Từ khóa:** đào tạo liên thông, đào tạo nguồn nhân lực.

### ABSTRACT

#### ***Inter-college program and demand for human resources training in Vietnam***

*The article discusses the development of science and technology in the economic-political-cultural context of the world, especially when globalization is happening at great speed and scale. Inter-college program and human resources training in Vietnam are considered inevitable requirements of our education system to integrate internationally and meet the demand for human resources training for the industrialization and modernization of the country.*

**Keywords:** inter-college program, human resources training.

### 1. Đặt vấn đề

Bước sang thế kỉ XXI, giáo dục Việt Nam đứng trước những thách thức và nhiệm vụ mới. Khoa học và công nghệ phát triển nhanh chóng nên kiến thức và kĩ năng của người được đào tạo cần phải được cập nhật và đổi mới liên tục. Xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và yêu cầu phát triển kinh tế đất nước đòi hỏi một lực lượng lao động có chất lượng cao về kiến thức, kĩ năng và thái độ trong lao động. Ngành giáo dục và đào tạo nước ta mặc dù đã có sự đổi mới nhưng vẫn còn nhiều bất cập và chưa đáp ứng được nhu cầu này. Các bậc phụ huynh thường muốn con em được vào đại học và học

sinh thì hay cho rằng chỉ có đại học là con đường tốt nhất để phát triển và tiến thân. Ý chí cầu tiến đó rất đáng được trân trọng, song nhiều bậc phụ huynh và học sinh còn chưa biết rằng hiện nay giáo dục đào tạo của nước ta đang xác lập hình thức đào tạo liên thông. Để hội nhập quốc tế và đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội, chúng ta cần tìm hiểu về hình thức đào tạo liên thông và nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực tại Việt Nam.

### 2. Liên thông

Liên thông là sự ghép nối của hai hoặc nhiều hệ thống giáo dục trong một cộng đồng trường học để giúp sinh viên

\* TS, Trường Đại học Công nghiệp TPHCM

chuyển dễ dàng từ một bậc học này tới một bậc học khác mà không phải học lại hoặc mất tín chỉ. Bên cạnh đó, hình thức đào tạo này còn cho phép sinh viên đạt được một trình độ kỹ năng cao hơn sau khi hoàn tất khóa học.

### 2.1. Đào tạo liên thông

Đào tạo liên thông là quá trình đào tạo được phép công nhận và chuyển đổi kết quả học tập từ một bậc học này tới một hay vài bậc học khác trong hệ thống đào tạo nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí đào tạo.

Đào tạo liên thông có những ưu điểm sau:

- Nâng cao hiệu quả đào tạo, nhờ giảm thời gian đào tạo lại những kiến thức và kỹ năng người học đã được đào tạo ở các bậc học trước;
- Đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học và đòi hỏi của thị trường lao động;
- Tạo điều kiện phân luồng cho học sinh sau trung học cơ sở, nâng cao vị trí của trường trung học chuyên nghiệp và cao đẳng trở thành đối tác của các trường đại học trong quá trình đào tạo liên thông;
- Nâng cao chất lượng đào tạo và vai trò quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Giải tỏa áp lực tâm lý của một phần không nhỏ các gia đình và học sinh khi cho rằng vào đại học là con đường duy nhất để phát triển sự nghiệp.

Mục tiêu bao trùm của đào tạo liên thông là đào tạo lực lượng lao động chất lượng cao, đa dạng và hiệu quả để đáp

ứng đòi hỏi của nền kinh tế đang phát triển.

### 2.2. Hình thức đào tạo liên thông

*Liên thông dọc* (Vertical Articulation, hay còn gọi là liên thông lên): Là hình thức chuyển từ bậc học thấp lên bậc học cao hơn trong cùng một ngành học. Có thể nói hình thức liên thông này là thuận lợi nhất, dễ triển khai và có tính hệ thống. Một hình thức đào tạo liên thông như vậy sẽ tạo điều kiện cho người lao động không ngừng nâng cao trình độ và học tập suốt đời nhằm tiến tới đỉnh cao nghề nghiệp. Ví dụ: từ trung học chuyên nghiệp lên cao đẳng, từ trung học chuyên nghiệp lên đại học, từ cao đẳng lên đại học trong cùng một ngành học.

*Liên thông ngang* (Horizontal Articulation): Là hình thức chuyển trong cùng bậc học để có thể học thêm những ngành tương tự hoặc khác ngành. Ví dụ: học văn bằng 2 đại học sau khi đã tốt nghiệp đại học.

*Liên thông chéo* (Diagonal Articulation): Là hình thức chuyển từ bậc học này sang bậc học khác với chuyên ngành đào tạo không giống bậc học trước. Ví dụ: học cao học Quản trị kinh doanh sau khi đã tốt nghiệp đại học không phải chuyên ngành Quản trị kinh doanh (cần học bổ sung kiến thức một số môn học chuyển đổi).

*Liên thông ngược* (Revered Articulation): Là hình thức chuyển từ bậc học cao hơn xuống bậc học thấp hơn để rèn luyện những kỹ năng cần thiết (có thể không liên hệ với chuyên môn đã học).

Ví dụ: người có cấp trình độ cao hơn muốn học ở cấp trình độ thấp hơn (đa số là do chuyển đổi nghề nghiệp, do nhu cầu cập nhật, bổ sung kiến thức cho những công việc mà người học đang trực tiếp đảm trách, cũng có thể là sinh viên đã tốt nghiệp học một ngành khác trong khi chờ việc làm, học thêm một nghề để trang bị thêm kiến thức, nhằm dễ xin việc làm hơn).

### **3. Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực tại Việt Nam**

Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho xã hội ngày càng cao, cả về số lượng lẫn chất lượng. Điều này đòi hỏi phải phân tích các yếu tố liên quan đến nhu cầu đào tạo lại và đào tạo nâng cao trình độ nhằm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân thông qua hình thức đào tạo liên thông, giúp người lao động có đủ năng lực chuyên môn để tham gia các lĩnh vực làm việc mới.

#### **3.1. Sơ lược về thực trạng nguồn nhân lực của Việt Nam**

Để phản ánh sự phát triển con người ở mỗi nước, cơ quan báo cáo phát triển con người của Chương trình phát triển liên hợp quốc (United Nations Development Programme - UNDP) đã sử dụng chỉ số HDI (Human Development Index). Theo báo cáo đã được công bố vào ngày 14-3-2013 (bao gồm 185 thành viên của Liên hiệp quốc), chỉ số phát triển con người là chỉ số dựa vào so sánh về giáo dục, trình độ học vấn, chất lượng cuộc sống cho các quốc gia toàn thế giới; giá trị của HDI sẽ từ 0,00 đến 1. Nước nào có HDI lớn hơn chứng tỏ sự phát

triển con người cao hơn; Việt Nam đứng thứ 127/185 với chỉ số 0.617 và thuộc nhóm các nước có HDI trung bình trên thế giới. [11]

Chỉ số HDI là chỉ số so sánh, định hướng về mức thu nhập, tỉ lệ biết chữ, tuổi thọ và một số nhân tố khác của các quốc gia trên thế giới. Chỉ số HDI giúp tạo ra một cái nhìn tổng quát về sự phát triển của một quốc gia. Chỉ số HDI có khả năng phản ánh đúng đắn thực trạng và xu hướng của các nước về trình độ phát triển con người khi chuyển sang nền kinh tế thị trường.

Nguồn nhân lực là một bộ phận của dân cư, số lượng và chất lượng nguồn nhân lực phụ thuộc vào quy mô, cơ cấu của tuổi dân số và trình độ phát triển con người.

Lực lượng lao động là bộ phận chủ yếu của nguồn nhân lực, là yếu tố cơ bản quyết định sự phát triển của nền sản xuất xã hội và cũng là nhân tố cơ bản quyết định sự phát triển bền vững của một quốc gia. Do vậy, quy mô và chất lượng của lực lượng lao động cũng chịu tác động và ảnh hưởng trực tiếp của các yếu tố có liên quan đến quy mô dân số, chất lượng dân số và trình độ phát triển con người.

Việt Nam được thế giới đánh giá là có lợi thế về dân số đông và đang trong thời kỳ “dân số vàng” nên lực lượng trong độ tuổi lao động khá dồi dào. Đây là nguồn lực vô cùng quan trọng để đất nước thực hiện thành công Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020 mà Đại hội Đảng XI đã thông qua ngày 16-2-2011. [12]

### **3.2. Tiến bộ của khoa học và công nghệ đòi hỏi trình độ nguồn nhân lực ngày càng cao**

Ngày nay, sự thay đổi của khoa học và công nghệ đang diễn ra không theo các bước tuần tự như ở cuối thế kỉ XIX và thế kỉ XX. Khoa học và công nghệ gắn kết với nhau, tương tác với nhau, cái này thúc đẩy cái kia cùng phát triển với tốc độ chóng mặt. Tuy vậy, giữa khoa học và công nghệ vẫn có những đặc điểm riêng. Điều này đã tác động đến sứ mệnh của các trường đại học và cao đẳng trong việc duy trì, sáng tạo, truyền bá và ứng dụng tri thức của nhân loại. Sự thay đổi của khoa học và công nghệ đòi hỏi hệ thống giáo dục và đào tạo không chỉ nhằm đạt mục tiêu hiện tại mà còn phải hướng đến những mục tiêu tương lai. Người lao động được đào tạo phải đảm bảo đủ năng lực làm việc trong thị trường lao động hiện tại, song lại phải có năng lực thích nghi với những đòi hỏi mới.

### **3.3. Ảnh hưởng của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đến việc đào tạo nguồn nhân lực**

Một trong những biểu hiện đặc trưng của lực lượng lao động toàn cầu là tính chuẩn hóa về năng lực (năng lực – competency được hiểu là gồm ba thành tố: Tri thức - Kỹ năng - Thái độ) mà không phải chỉ là chuẩn hóa về bằng cấp. Điều này có nghĩa là bằng cấp phải phản ánh đúng năng lực của người học, tương đương với trình độ quốc tế và khu vực được thừa nhận trong văn bằng. Muốn vậy, mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo, phương pháp dạy - học và đo

lường đánh giá kết quả cần hướng đến sự chuẩn hóa để đội ngũ những người lao động được đào tạo có thể làm việc trong một môi trường có tính toàn cầu cao.

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, toàn cầu hóa tạo điều kiện cho các cơ sở đào tạo trong nước liên kết với các cơ sở giáo dục và đào tạo nước ngoài, công nhận chất lượng đào tạo lẫn nhau, tạo điều kiện cho người học được công nhận thành tích học tập và được học lên cao tại các trường có liên kết với nhau. Nhiều trường đại học, cao đẳng của Việt Nam đang thực hiện các quá trình liên kết và liên thông trong đào tạo. Vì thế, đào tạo liên thông là một trong những giải pháp hiệu quả giúp người lao động hiện tại và tương lai có thể nâng cao trình độ mà không nhất thiết phải học lại những nội dung đã được học trước kia.

### **3.4. Sức ép về nhu cầu học tập của nhân dân**

Nhu cầu học tập của nhân dân nhằm nâng cao trình độ, tay nghề có nhiều động lực khác nhau; trong đó có cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Mặc dù nền kinh tế trên đà tăng trưởng, song phải thừa nhận cơ hội việc làm sẽ cao hơn đối với người có trình độ cao, tay nghề cao.

Những yếu tố về kinh tế, văn hóa, xã hội đã tác động không nhỏ đến động lực và nhu cầu học tập của người dân. Ở những quốc gia phát triển và đang phát triển, sức ép vào các trường đại học ngày càng tăng, công việc đòi hỏi năng lực của người lao động ngày càng cao nên họ phải không ngừng học tập để nâng cao trình độ, tay nghề. Do vậy, đào tạo liên

thông là tạo điều kiện học tập suốt đời cho mọi người.

### 3.5. Kinh tế trong giáo dục và đào tạo

Việc đào tạo liên thông ngày càng trở nên cấp thiết. Nhờ cơ chế miễn trừ, những kiến thức và kỹ năng đã thu nhận được trong quá trình học tập và kinh nghiệm tích lũy trong quá trình lao động sản xuất trước kia mà thời gian học liên thông được rút ngắn. Điều này đồng nghĩa với việc chi phí học tập giảm. Do có nhiều địa điểm học, thời gian sử dụng phòng học, trang thiết bị và chi phí dạy học giảm đi nên nhiều người sẽ có cơ hội học tập lên cao hơn, hiệu quả đào tạo tăng, mang đến nhiều lợi ích về kinh tế.

Nếu đi sâu hơn nữa, chính nhờ sự đào tạo liên thông mà các trường thuộc bậc học dưới (THCN, TCN) và các trường thuộc bậc học trên (CĐ, ĐH) có điều kiện phát triển mạnh hơn. Các trường thuộc bậc học dưới sẽ có nhiều cơ hội tuyển sinh, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Tương tự, các trường thuộc bậc học cao thì có được nguồn tuyển sinh lớn hơn từ những người tốt nghiệp ở các trường thuộc bậc học dưới và có điều kiện để cải thiện chất lượng dạy học.

Để đảm bảo hiệu quả kinh tế trong giáo dục và đào tạo, đòi hỏi phải xây dựng chính sách và chương trình đào tạo liên thông với nhau để tiết kiệm nguồn lực. Dù nền kinh tế có những bước tăng trưởng đáng kể, song nguồn lực cần phải tiết kiệm và dành cho các mục tiêu phát triển khác. Vì vậy, việc đào tạo liên thông trong giáo dục và đào tạo ngày càng trở

nên cấp thiết, nhằm sử dụng các nguồn lực hợp lý, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống.

## 4. Kết luận

Phân tích ở trên cho thấy, Việt Nam là một đất nước đang trong quá trình phát triển, hội nhập nền kinh tế thế giới; nhu cầu đào tạo lại và nhu cầu nâng cao trình độ trước sự thay đổi của khoa học và công nghệ, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thực tế tuyển dụng tại các doanh nghiệp cũng như nhu cầu học tập của nhân dân đã tạo nên sức ép đòi hỏi nền giáo dục Việt Nam phải là nền giáo dục mở theo hướng liên thông giữa các trình độ đào tạo. Vì vậy, Nhà nước phải có các chính sách thích hợp để thỏa mãn những nhu cầu khách quan và chủ quan.

Hình thức đào tạo liên thông là bước đi tất yếu của hệ thống giáo dục ở Việt Nam. Việc áp dụng hệ thống đào tạo này chắc chắn mang lại những lợi ích thiết thực, giải quyết được những khó khăn hiện nay mà nền giáo dục đang gặp phải, đó là sự bất cập trong phân luồng học sinh, sự quá tải ở các trường đại học, sự mất cân đối trong đào tạo nguồn nhân lực. Ngoài ra, đào tạo liên thông còn kích thích sự nỗ lực học tập của học sinh trung học chuyên nghiệp, trung cấp nghề để có thể học tiếp lên cao đẳng và đại học, thỏa mãn nhu cầu học tập suốt đời của xã hội. Vì vậy, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần chú trọng xây dựng hệ thống đào tạo liên thông, nhằm hoàn thiện hệ thống đào tạo giáo dục đại học tại Việt Nam.

Hệ thống đào tạo liên thông tại Việt Nam là một vấn đề mới và đang còn

trong giai đoạn nghiên cứu của hệ thống giáo dục Việt Nam; đặc biệt đối với một số ngành học còn đang trong thời gian thử nghiệm tại một số trường học. Đào tạo liên thông là một hình thức đào tạo

mới mẻ và. Đào tạo liên thông là cách tốt nhất để các cơ sở đào tạo cải tiến chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu giáo dục ngày càng cao của xã hội trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Đắc Hưng (2004), *Giáo dục Việt Nam – Hướng tới tương lai – Vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia.
2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2001), *Hội thảo xây dựng chương trình đào tạo liên thông*, Ban chỉ đạo xây dựng chương trình liên thông.
3. Nguyễn Đức Chính (2002), *Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
4. Trần Khánh Đức (2002), *Giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực*, Nxb Giáo dục.
5. Trần Khánh Đức (2004), *Quản lý và kiểm định chất lượng đào tạo nhân lực theo ISO & TQM*, Nxb Giáo dục.
6. Phạm Thành Nghị (2000), *Quản lý chất lượng giáo dục đại học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Allan C. Ornstein, Francis P. Hunkins (1998), *Curriculum: Foundations, Principles, and Issues* (3rd Edition), Allyn and Bacon.
8. Kim Dung Nguyen (2003), *International Practices in Quality Assurance for Higher Education Teaching and Learning: Prospects and Possibilities for Viet Nam*, Submitted in total fulfilment of the requirements of the degree of Doctor of Philosophy.
9. Leslie Rae (1997), *How to Measure Training Effectiveness (3rd Edition)*, Gower Publishing Limited.
10. Ronal C. Doll (1996), *Curriculum Improvement: Decision Making and Process (9th Edition)*. Allyn and Bacon.
11. <http://vietyo.com/forum/chi-so-phat-trien-con-nguoi-hdi-human-development-index-la-gi/t430819/>
12. [http://www.fad.danang.gov.vn/default.aspx?id\\_NgonNgu=VN&id\\_ThucDon\\_Sub=200&TinChinh=0&id\\_TinTuc=1959&TrangThai=BanTin](http://www.fad.danang.gov.vn/default.aspx?id_NgonNgu=VN&id_ThucDon_Sub=200&TinChinh=0&id_TinTuc=1959&TrangThai=BanTin)

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 07-3-2014; ngày phản biện đánh giá: 13-5-2014;  
ngày chấp nhận đăng: 14-6-2014)